

Bản án số: **82/2025/DS-ST**

Ngày: 28 - 05 - 2025.

Về việc tranh chấp: “Hợp đồng
mua bán tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tháo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Tường Bích

2/ Ông Đặng Hoàng Mích

- Thư ký phiên Tòa: Ông Lê Minh Trọng – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Ngày 28 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 381/2024/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2025/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 94/2025/QĐST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Đặng Thị D**, sinh năm 1995 – Là chủ Hộ kinh doanh Đ (Gọi tắt Hưng Lộc P)

Địa chỉ: Tổ F, ấp D, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Bà D ủy quyền cho chị Phan Kỳ D1 sinh năm 2001 theo văn bản ủy quyền ngày 24/3/2025. Có mặt

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Chị Phan Kỳ D1 có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt đề ngày 27/5/2025

Bị đơn: **Kiều Công S**, sinh năm 1995 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/7/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Phan Kỳ D1 trình bày:*

Đ (H) và anh S có hợp đồng mua bán thức ăn tôm, bán thức ăn tôm thẻ chân trắng, tôm sú nhãn hiệu Việt H và các loại thuốc nuôi tôm, đến cuối vụ ông S phải thanh toán dứt điểm.

Qua bảng đối chiếu nợ, ngày 31/01/2023 anh S còn nợ Hưng Lộc P số tiền 145.469.000 đồng.

Hưng Lộc P yêu cầu anh S phải trả số tiền số tiền còn nợ là 145.469.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo lãi suất theo mức 0,83% từ ngày 04/6/2024 đến ngày giải quyết xong vụ án.

* Đối với bị đơn anh Kiều Công S trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh Kiều Công S đều vắng mặt, mặc dù vẫn còn sinh sống tại địa phương, nên không thu thập được lời khai của anh Kiều Công S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Bị đơn Kiều Công S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ **lần thứ hai để xét xử**, nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt anh S là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị Phan Kỳ D1 là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị D1 là phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của Hưng Lộc P yêu cầu ông Kiều Công S phải trả số tiền 145.469.000 đồng.

[1] Xét hợp đồng mua bán ngày 02/4/2022 giữa Đại Lý Hưng Lộc P và anh Kiều Công S và Bảng đối chiếu công nợ ngày 31/3/2023 có chữ ký của anh Kiều Công S thì ông S còn nợ Hưng Lộc P số tiền là 145.469.000 đồng.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng phía bị đơn anh Kiều Công S không tham dự là đã từ bỏ quyền tham gia hòa giải bảo vệ mình theo khoản 11 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Anh Kiều Công S được tổng đạt các tài liệu chứng cứ mà bên phía nguyên đơn đã giao nộp cho tòa án nhưng anh S không có chứng cứ nào chứng minh lời phản đối của mình về việc anh không còn nợ Hưng Lộc P số tiền 145.469.000 đồng là đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ theo khoản 5, 7 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[4] **Qua hợp đồng mua bán và bảng đối chiếu công nợ** thấy rằng, anh S đã sử dụng hết quyền nhận tài sản, nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền đầy đủ

cho Hưng Lộc P, nên Hưng Lộc P khởi kiện yêu cầu anh S trả nợ là có cơ sở và phù hợp với quy định tại 430, 431, 433, 434, 440 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên yêu cầu khởi kiện của Hưng Lộc P là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về lãi suất:

Hưng Lộc P yêu cầu tính lãi số tiền 145.469.000 đồng từ 04/6/2023 lãi suất theo quy định pháp luật. Xét thấy hai bên không thỏa thuận được lãi suất, do anh S không thực hiện cam kết mà chậm trả tiền nên Hưng Lộc P yêu cầu tính lãi là phù hợp Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, số tiền lãi được tính: $145.469.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 11 \text{ tháng} = 13.281.000 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng số tiền vốn và lãi mà anh S phải trả cho Hưng Lộc P là:

$145.469.000 \text{ đồng} + 13.281.000 \text{ đồng} = 158.750.000 \text{ đồng}$

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; **khoản 2 Điều 26** của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của Hưng Lộc P được chấp nhận toàn bộ, nên anh S phải có nghĩa vụ chịu án phí của số tiền 158.750.000 đồng là:

$158.750.000 \text{ đồng} \times 5\% = 7.937.500 \text{ đồng}$

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các 430, 431, 433, 434, 440, khoản 2 Điều 470, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; **Điều 254; khoản 2, Điều 91;** khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận **toàn bộ** yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị D – Chủ hộ Kinh doanh Đ đối với anh Kiều Công S về việc “*Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản*”.

2. Buộc anh Kiều Công S phải có nghĩa vụ trả bà Đặng Thị D – Chủ hộ Kinh doanh Đ số tiền nợ mua bán thức ăn và thuốc thủy sản số tiền là 158.750.000 đồng (Một trăm năm mươi tám triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng). Trong đó nợ gốc là 145.469.000 đồng và nợ lãi là 13.281.000 đồng.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại **khoản 2** Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

5.1. Anh Kiều Công S phải chịu là 7.937.500 đồng (Bảy triệu chín trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm đồng)

5.2. Bà Đặng Thị D – Chủ hộ kinh doanh Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.121.700 đồng (Bốn triệu một trăm hai mươi một ngàn bảy trăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0004112 ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự **vắng mặt tại phiên tòa**, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tháo

